

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Khởi

2. Ông Nguyễn Văn Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2020/TLST - HNGĐ ngày 17/2/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Đ (tên gọi khác Bùi Thị D), sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Mạc Văn H, sinh năm 1964, có mặt;

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương,

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông Đào Xuân Đ1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3.2. Ông Mạc Văn T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày: Bà và ông Mạc Văn H đăng ký kết hôn ngày 01/11/1986 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống với gia đình nhà ông H được thời gian ngắn thì ra ở riêng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và lối sống. Ông H thường xuyên, đánh chửi và đuổi bà ra khỏi nhà. Năm 2001, bà đi lao động tại Đài Loan. Bà đi về nhiều lần. Đến tháng 10/2019, bà về nước. Trong thời gian ở Đài Loan và sau khi về nước, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, thường xuyên cãi nhau. Hai người sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Bà và ông H có ba con chung là Mạc Văn H1, sinh ngày 30/8/1987; Mạc Văn H2, sinh ngày 22/3/1990; Mạc Thị H3, sinh ngày 13/12/1995. Ba con đã trưởng thành, khỏe mạnh, tự lo cuộc sống riêng, bà không yêu cầu giải quyết. Bà xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất nhưng không yêu cầu giải quyết. Nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, bà xác định không có.

Tại Biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mạc Văn H xác nhận: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà D trình bày là đúng nhưng ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, chỉ phát sinh từ cuối năm 2019. Nguyên nhân là do ông nghi ngờ bà D có người thứ ba. Ông có khuyên bảo nhưng bà D không nghe dẫn đến mâu thuẫn. Ông không đồng ý ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/4/2020, ông Đào Xuân Đ1 trình bày: Ông là trưởng thôn V từ năm 2005, là người nhà của ông H không có mâu thuẫn với vợ chồng ông H. Khoảng năm 2006 (ông nhớ không chính xác), ông có nhận được đơn của bà D đề nghị thôn hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Ông có gặp bà D, ông H để khuyên can. Hai vợ chồng đã về chung sống với nhau. Đến cuối năm 2019, mâu thuẫn của ông H, bà D căng thẳng, hay đánh cãi chửi nhau. Bà D có lần phải đi khỏi nhà vào lúc nửa đêm. Nay bà D xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để ông H, bà D sớm ổn định cuộc sống.

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 14/4/2020, ông Mạc Văn T trình bày: Ông là người nhà, là hàng xóm, không có mâu thuẫn gì với vợ chồng ông H, bà D. Quá trình chung sống, ông H, bà D thường xuyên mâu thuẫn và đánh cãi nhau. Mỗi lần như vậy, bà D đều đem quần áo, đồ đạc cá nhân sang nhà ông gửi. Khoảng năm 2006, 2007, Hội đồng làng đã vào nhà ông H để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Bà D đi lao động tại Đài Loan nhiều năm và cũng về nước nhiều lần, mỗi lần về là vợ chồng lại đánh cãi nhau. Tết năm 2017, ông H ghen nửa đêm đuổi đánh bà D, bà D phải chạy ra nghĩa địa của thôn trốn. Đầu năm 2020, bà D lấy xe máy đi, ông H không đồng ý, con ông H do bức tức vì thái độ của bố đã đập nát xe máy. Ông H, bà D cãi nhau, bà D mang đồ cá nhân sang nhà ông gửi và làm đơn xin ly hôn ông H. Ông H và bà D sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng

10/2019 cho đến nay. Ông nhận thấy vợ chồng D H khó đoàn tụ vì có nhiều mâu thuẫn, hay đánh cãi chửi nhau, đã ly thân, ông H hay uống rượu, ghen tuông.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/4/2020, bà Phạm Thị T4 trình bày: Bà làm chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn V từ năm 1996 cho đến nay không có quan hệ họ hàng, không có mâu thuẫn với vợ chồng ông H. Khoảng năm 2006, bà cùng Hội đồng làng (Ban quản lý làng Văn Mạc) đến nhà ông H để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng theo đơn của bà D và đề nghị của trưởng thôn. Sau hòa giải, ông bà tiếp tục chung sống cùng nhau. Theo dư luận, ông H hay chửi bà D. Hiện nay, ông, bà mỗi người sống một nơi. Mỗi khi bà D về chơi, hai vợ chồng đều cãi nhau. Bà D xin ly hôn ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để ổn định cuộc sống cho cả hai.

Tại phiên tòa, bà D vắng mặt. Chủ tọa công bố lời khai của bà D và các tài liệu có liên quan. Ông H không đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Bùi Thị D được ly hôn ông Mạc Văn H; Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Bà D xin ly hôn, ông H không đồng ý nhưng hai ông bà cũng đã thừa nhận quan hệ vợ chồng có mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai hoàn toàn phù hợp với xác nhận của chính quyền thôn, lời khai của người làm chứng. Ông H không đồng ý ly hôn, nhưng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Đánh giá về bản chất, việc ông H không đồng ý không phải có thiện ý đoàn tụ thực sự mà chỉ nhằm gây khó khăn cho bà D trong việc hoàn tất thủ tục ly hôn; Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1

Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho bà D được ly hôn ông H là phù hợp pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Con chung của các đương sự đã trưởng thành, khỏe mạnh, tự lo được cuộc sống riêng, các đương sự không yêu giải quyết nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà D phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị D ly hôn ông Mạc Văn H.
2. Về con chung, tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.
3. Về án phí: Bà D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0008965 ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Bà D đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.
4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà;
- UBND xã L, huyện Thanh Hà;
- Lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Duy Phu